

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 87/2023/HS-ST

Ngày: 28 - 4 - 2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Quang và ông Đinh Xuân Dậu.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Trần Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXHS-ST ngày 14/4/2023 đối với bị cáo:

Đặng Văn T, sinh năm 1993 tại Hà Nam. Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố H, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Đặng Văn U, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1969. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang được tại ngoại (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Bùi Thị Tuyết A, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nhu cầu cần tiền để buôn bán nên từ ngày 04/8/2022 đến ngày 05/10/2022 tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, chị Bùi Thị Tuyết A đã vay tiền của Đặng Văn T tổng cộng 11 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 04/8/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 284%/năm, hình thức trả góp cả gốc và lãi mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả liên tục 24 ngày kể từ ngày 04/8/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 6.000.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 5.605.479 đồng. Ngoài ra T còn thu 1.500.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 2: Ngày 10/8/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 2.000.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 10/8/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 9.452.055 đồng. Ngoài ra T còn thu 4.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 3: Ngày 22/8/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 70.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 3.500.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 22/8/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 17.500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 16.541.096 đồng. Ngoài ra T còn thu 7.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 4: Sáng ngày 25/8/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 25/8/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.089.041 đồng. Ngoài ra T còn thu 3.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 5: Chiều ngày 25/8/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 25/8/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.089.041 đồng. Ngoài ra T còn thu 3.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 6: Ngày 05/9/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 05/9/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.089.041 đồng. Ngoài ra T còn thu 3.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 7: Ngày 07/9/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 170.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 8.500.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 07/9/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 42.500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 40.171.233 đồng. Ngoài ra T còn thu 17.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 8: Ngày 14/9/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 14/9/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.089.041 đồng. Ngoài ra T còn thu 3.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 9: Ngày 22/9/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 250.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 22/9/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 1.250.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 1.181.507 đồng. Ngoài ra T còn thu 500.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 10: Ngày 30/9/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 345%/năm, hình thức trả góp cả tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày 1.500.000 đồng, trả liên tục 25 ngày kể từ ngày 30/9/2022. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.089.041 đồng. Ngoài ra T còn thu 3.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định.

Lần 11: Ngày 05/10/2022, T cho chị Tuyết A vay số tiền 290.000.000 đồng với lãi suất 42%/năm, hình thức trả tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi trong vòng 01 tháng nhưng chị Tuyết A không có tiền trả. Đến khoảng 10 giờ ngày 07/12/2022 T đến nhà chị Tuyết A để đòi tiền thì chị Tuyết A báo Công an xã Bình Minh, huyện Trảng Bom xuống ghi nhận sự việc, lập hồ sơ ban đầu đồng thời chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra T khai nhận đã cho chị Tuyết A vay tiền tổng cộng 11 lần, trong đó 10 lần cho vay với lãi suất 284%/01 năm và 345%/01 năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự với tổng số tiền 465.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 114.750.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 108.396.575 đồng. Ngoài ra T còn thu của chị Tuyết A 45.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định. Như vậy tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 153.396.575 đồng. Toàn bộ số tiền T sử dụng để cho vay và tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng T đã gom lại được 290.000.000 đồng và cho chị Tuyết A vay ngày 05/10/2022. Vậy tổng số tiền T

sử dụng để cho vay lãi nặng là 290.000.000 đồng – 153.396.575 đồng = 136.603.425 đồng.

Ngày 12/12/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã ban hành quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đặng Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để điều tra. Quá trình điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 giấy mượn tiền và 03 tờ giấy A4 có nội dung chuyển tiền của chị Tuyết A; 02 điện thoại di động (01 Iphone 5 và 01 Iphone 11) của Đặng Văn T.

Tại bản cáo trạng số 103/CT/VKS-TB ngày 10/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung 2017), xử phạt bị cáo Đặng Văn T mức án tù 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công: 01 điện thoại di động Iphone 5 bị can T sử dụng vào việc phạm tội.

+ Đối với số tiền 136.603.425 đồng Đặng Văn T sử dụng cho chị Tuyết A vay lãi nặng, chị Tuyết A chưa trả cho T. Đề nghị Tòa tuyên buộc chị Tuyết A nộp lại số tiền 136.603.425 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 giấy mượn tiền và 03 tờ giấy A4 có nội dung chuyển tiền của chị Bùi Thị Tuyết A, Cơ quan Cảnh sát điều tra lưu hồ sơ vụ án.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 của Đặng Văn T không sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã xử lý vật chứng trả lại cho T.

Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Tuyết A đã có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét đã có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/8/2022 đến ngày 25/9/2022 tại ấp Tân Bình, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Đặng Văn T cho chị Bùi Thị Tuyết A vay tiền 10 lần với lãi suất 284%/01 năm và 345%/01 năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự với tổng số tiền 465.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi T nhận của chị Tuyết A là 114.750.000 đồng, trong đó tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 108.396.575 đồng. Ngoài ra T còn thu của chị Tuyết A 45.000.000 đồng tiền phí vay do T tự quy định. Tổng số tiền T thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là 153.396.575 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Đặng Văn T là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ và đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Xét nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4.3] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Sau khi vụ án xảy ra đã hợp tác khai báo giúp cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng điều tra xử lý vụ việc. Bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm trong cộng đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5 bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội.

[6.2] Buộc bà Bùi Thị Tuyết A phải nộp số tiền 136.603.425 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm lẻ ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

[6.3] Đối với 01 giấy mượn tiền và 03 tờ giấy A4 có nội dung chuyển tiền của bà Bùi Thị Tuyết A, Cơ quan Cảnh sát điều tra lưu hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6.4] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 của Đặng Văn T không sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã xử lý vật chứng trả lại cho T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2, Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Văn T cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Đặng Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Phạt bổ sung đối với bị cáo Đặng Văn T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5.

- Buộc bà Bùi Thị Tuyết A phải nộp số tiền 136.603.425 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm lẻ ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đặng Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm